

Số: **23** /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp,
làng nghề tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2020**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1064/QĐ-TTg ngày 08/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du và Miền núi phía Bắc đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 09/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-TTg ngày 27/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 02/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh công tác quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

Xét Tờ trình số 145/TTr-UBND ngày 18/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2020 (Có tóm tắt Chương trình kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết, định kỳ hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIII, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Công thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIII;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước khu vực X;
- Các Sở, ban, ngành, các đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các Phòng nghiệp vụ thuộc VP;
- Các CV Phòng Công tác HĐND;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH



Bùi Xuân Hòa



**Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp,
làng nghề tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2020**

*(Kèm theo Nghị quyết Hội đồng Nhân dân ngày 12 tháng 8 năm 2016
của Hội đồng Nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

1. Quan điểm phát triển

- Phát triển công nghiệp Thái Nguyên đa ngành, đa lĩnh vực. Trong đó, ưu tiên tập trung phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao có khả năng tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu và một số chuyên ngành công nghiệp khác có giá trị lớn mà tỉnh có lợi thế. Phát triển công nghiệp theo chiều sâu, chú trọng chất lượng tăng trưởng để đảm bảo tính bền vững, thân thiện với môi trường và năng suất lao động cao; khai thác và sử dụng có hiệu quả các lợi thế của tỉnh về tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực trình độ cao, vị trí trung tâm vùng trung du và miền núi phía Bắc. Phát huy nội lực và tranh thủ tối đa các nguồn lực từ bên ngoài với nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia.

- Phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề là trách nhiệm của toàn dân dưới sự hỗ trợ và quản lý của nhà nước; huy động mọi nguồn lực để đảm bảo phát triển bền vững và ổn định; phát triển các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu, giúp khu vực nông thôn thay đổi canh tác thuần nông, hướng tới các ngành có năng suất và thu nhập cao hơn; kết hợp hài hòa với phát triển sản xuất nông nghiệp trên cơ sở khai thác hiệu quả nguồn lao động, tài nguyên đất, nguyên liệu sẵn có tại địa phương, gắn liền với du lịch làng nghề để không ngừng nâng cao mức sống của dân cư khu vực nông thôn, giảm dần sự chênh lệch giữa nông thôn và thành thị; bảo tồn và phát huy những nét văn hóa truyền thống của các làng nghề truyền thống; phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề đi đôi với bảo vệ môi trường để phát triển bền vững gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu chung

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 10%, trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 16% trở lên.

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: Công nghiệp - xây dựng 53%; dịch vụ 36%, nông - lâm - thủy sản 11%.

- Giá trị sản xuất công nghiệp đến năm 2020 (theo giá cố định năm 2010) đạt 740.000 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 15%.

- Khôi phục và phát triển các nghề tiểu thủ công nghiệp có sức cạnh tranh, bền vững trên thị trường trong nước, hướng tới xuất khẩu.

- Số làng nghề được công nhận từ 80 làng nghề trở lên (*nâng tổng số làng nghề, làng nghề truyền thống của tỉnh được công nhận đạt trên 240 làng nghề*).

3. Mục tiêu cụ thể

3.1. Công nghiệp hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao; công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử và vi mạch bán dẫn; chế tạo máy, gia công kim loại và cơ khí lắp ráp

Giá trị sản xuất công nghiệp (*theo giá cố định năm 2010*) đạt 687.590 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 92,9% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 15,5%/năm.

3.2. Công nghiệp nhẹ, chế biến nông lâm, thủy sản, thực phẩm và sản xuất hàng tiêu dùng

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 10.100 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,4% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 15%/năm.

3.3. Công nghiệp hóa chất (kể cả hóa dược)

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 3.370 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,5% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 20%/năm.

3.4. Công nghiệp sản xuất, phân phối điện, nước và xử lý chất thải

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 1.930 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,3% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 8,0%/năm.

3.5. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 6.400 tỷ đồng, chiếm 0,9% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 9,0%/năm.

3.6. Công nghiệp sản xuất kim loại

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 28.000 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 3,8% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 9,9%/năm.

3.7. Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 1.280 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,2% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 5,1%/năm.

3.8. Công nghiệp khác

Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 1.330 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,18% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 20%/năm.

3.9. Phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề

- Phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và làng nghề các địa phương trên cơ sở ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để đa dạng hóa sản phẩm về mẫu mã, kiểu dáng, nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh; đồng thời lựa chọn phát triển các ngành nghề và làng nghề của các địa phương có hiệu quả kinh tế cao phù hợp với điều kiện của mỗi địa phương. Phát triển phải gắn với bảo vệ môi trường theo hướng bền vững, đồng thời quan tâm bảo tồn một số làng nghề truyền thống gắn với phát triển dịch vụ du lịch, góp phần giữ gìn và giới thiệu nét đẹp văn hóa của cộng đồng làng xã Việt Nam.

- Tiếp tục duy trì, mở rộng quy mô phát triển các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, làng nghề hiện có như: Trồng và chế biến chè; sản xuất mây tre đan, thủ công mỹ nghệ, chế biến nông lâm sản; miến; bún; sinh vật cảnh. Phần đầu 90% các xã nằm trong quy hoạch các vùng nguyên liệu của tỉnh gắn với cơ sở chế biến.

- Du nhập, phát triển các nghề thủ công, mỹ nghệ mới; phần đầu đến năm 2020 có ít nhất 30% dân cư khu vực nông thôn có thu nhập chính bằng các nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn các địa phương.

3.10. Phát triển khu, cụm công nghiệp

a) *Khu công nghiệp*: Rà soát và điều chỉnh quy hoạch chi tiết dự án đầu tư hạ tầng 06 khu công nghiệp, tổng diện tích 1.420 ha; tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư, phần đầu đến năm 2020 tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp đạt trung bình 75% - 80%.

b) *Cụm công nghiệp*: Quy hoạch 35 cụm công nghiệp với tổng diện tích 1.259 ha. Đẩy mạnh việc thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp trên cơ sở khai thác triệt để tiềm năng, lợi thế của các địa phương, phần đầu đến năm 2020 tỷ lệ lấp đầy các cụm công nghiệp đạt trung bình 60% - 65%.

3.11. Nhu cầu đất cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Tổng diện tích đất dành cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2020 dự kiến khoảng 4.000 ha. Công tác quy hoạch các khu, cụm công nghiệp và làng nghề cần nghiên cứu, bố trí quỹ đất hợp lý cho tái định cư, các công trình xử lý nước thải và chất thải tập trung.

4. Một số giải pháp chủ yếu

4.1. Giải pháp về vốn

a) *Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề giai đoạn 2016 - 2020*

Tổng vốn đầu tư dự kiến khoảng 42.279 tỷ đồng. Trong đó: Đầu tư sản xuất công nghiệp: 32.950 tỷ đồng; đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp: 4.200 tỷ đồng; đầu tư cho ngành điện, nước và xử lý chất thải các khu, cụm công nghiệp và làng nghề: 5.129 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn

- Vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương là 412 tỷ đồng.
- Vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương là 411 tỷ đồng.
- Vốn từ các nhà đầu tư là 41.456 tỷ đồng, bao gồm vốn tự có của doanh nghiệp, vốn huy động từ các tổ chức tín dụng và các nguồn vốn hợp pháp khác.

c) Các giải pháp về thu hút vốn đầu tư

- Khuyến khích, ưu tiên các doanh nghiệp đầu tư dự án sản xuất, kinh doanh vào các khu, cụm công nghiệp tập trung, để tránh phá vỡ quy hoạch, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thuận lợi trong việc xử lý môi trường tập trung.

- Vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách để huy động vốn từ các thành phần kinh tế tham gia sản xuất công nghiệp và xây dựng hạ tầng cơ sở phục vụ sản xuất công nghiệp.

- Áp dụng cơ chế, chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng thông qua công cụ lãi suất, cơ chế thuê đất.

- Tập trung huy động nguồn vốn từ các thành phần kinh tế trong vấn đề đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, nước thải tập trung tại các khu, cụm công nghiệp và làng nghề.

4.2. Giải pháp về phát triển khu, cụm công nghiệp

- Tập trung huy động và sử dụng hợp lý mọi nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng trong và ngoài hàng rào khu, cụm công nghiệp; hướng tới hình thành các khu, cụm công nghiệp có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo quỹ đất sạch, điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư.

- Rà soát, sửa đổi quy định về hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; nâng mức hỗ trợ dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp từ ngân sách địa phương tối đa là 50 tỷ đồng/cụm.

- Định kỳ hàng năm tổ chức rà soát, đánh giá quy hoạch các khu, cụm công nghiệp để có phương án điều chỉnh phù hợp; cần tập trung đánh giá hiệu quả thu hút đầu tư, tỷ lệ lấp đầy, vấn đề về xử lý môi trường, tình hình hoạt động của các khu, cụm công nghiệp, đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch các khu, cụm công nghiệp không có dự án đầu tư, vị trí không thuận lợi, cơ sở hạ tầng khó khăn để tránh lãng phí tài nguyên đất, giúp người dân ổn định cuộc sống và yên tâm sản xuất; tiến hành rà soát và có giải pháp quyết liệt trong việc thu hồi các dự án đầu tư chậm, không triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.

4.3. Giải pháp về cơ chế chính sách

- Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án cải thiện môi trường đầu tư và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng chính sách: Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, kích cầu, sản xuất hàng xuất khẩu. Hỗ trợ cơ sở sản xuất tiếp cận thương mại điện tử, hình thành các tổ chức nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại, thành lập văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trong và ngoài nước.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các quy hoạch, chương trình, đề án, kế hoạch của các ngành có liên quan, lồng ghép với các Chương trình mục tiêu quốc gia phục vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

- Khuyến khích, hỗ trợ đào tạo theo địa chỉ, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, sinh viên học các chuyên ngành đang có nhu cầu phát triển và tiếp nhận họ sau khi tốt nghiệp; có chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài, chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực công nghiệp; xã hội hóa công tác đào tạo nghề, hỗ trợ truyền nghề tại các làng nghề truyền thống. Đặc biệt, quan tâm đến việc giải quyết việc làm cho người dân thuộc vùng dự án, bị thu hồi đất thông qua việc hỗ trợ đào tạo nghề,

truyền nghề; giúp người dân ổn định cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh chính trị trên địa bàn.

- Hình thành quỹ phát triển khoa học và công nghệ tại các doanh nghiệp để tạo nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, cải tiến đổi mới công nghệ trong mỗi doanh nghiệp.

- Triển khai rộng rãi việc áp dụng quy trình sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đối với các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề thông qua kế hoạch hỗ trợ vốn từng bước chuyển đổi quy trình, công nghệ.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp xử lý môi trường được vay vốn với lãi suất ưu đãi. Bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách, kêu gọi đầu tư và xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp và làng nghề. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và vai trò của người dân trong việc bảo vệ môi trường làng nghề, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.

- rà soát, đánh giá môi trường tại các làng nghề để có giải pháp cụ thể; đối với những cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề gây ô nhiễm ảnh hưởng đến đời sống của người dân thì tiến hành di chuyển ra khỏi các khu dân cư, đưa vào các cụm công nghiệp để quản lý và xử lý môi trường tập trung.

- Có chính sách hỗ trợ người sản xuất nguyên liệu để phát triển sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng nông, lâm sản và ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với người sản xuất.

4.4. Giải pháp phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề

- Tăng cường kinh phí cho hoạt động khuyến công nhằm động viên, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề khu vực nông thôn, giai đoạn 2016 – 2020: 60 tỷ đồng trở lên. Trong đó, kinh phí hỗ trợ từ nguồn khuyến công quốc gia 30 tỷ đồng, nguồn khuyến công địa phương 30 tỷ đồng trở lên.

- Hỗ trợ đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp từ nguồn kinh phí Trung ương và địa phương theo quy định của cấp có thẩm quyền, trong từng thời kỳ để lập quy hoạch chi tiết, xây dựng hạ tầng khu, cụm công nghiệp, đường giao thông nội bộ và khu xử lý chất thải tập trung.

- Tiếp tục triển khai nhân rộng làng nghề điếm đối với các làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận thông qua việc hỗ trợ máy móc, thiết bị sản xuất, chế biến, bảo quản nâng cao giá trị sản phẩm.

- Đẩy mạnh việc hỗ trợ các làng nghề, làng nghề truyền thống trong việc xây dựng website; đăng ký sở hữu trí tuệ; tham gia gian hàng tại các hội chợ trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm.

- Triển khai thực hiện quy định chính sách đặc thù khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

4.5. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

- Công tác quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh cần tập trung vào đầu mối là Sở Công thương. Căn cứ chức năng,

nhiệm vụ Sở Công thương có trách nhiệm chủ động phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan đề ra các giải pháp nhằm phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

- Đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư theo hướng tập trung vận động các nhà đầu tư có tiềm lực mạnh, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề có lợi thế, thân thiện với môi trường, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, có quy mô và đóng góp lớn cho ngân sách địa phương, các dự án đầu tư liên quan đến xử lý môi trường tại các khu, cụm công nghiệp và làng nghề.

- Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. Giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính. Rà soát, đơn giản hóa, bãi bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp; rút ngắn thời gian cấp phép; giảm chi phí thực hiện các thủ tục hành chính trong các lĩnh vực; đổi mới phương thức quản lý, kiểm tra; áp dụng rộng rãi thông lệ quốc tế, điện tử hóa thủ tục quản lý, kiểm tra chuyên ngành; kết nối chia sẻ thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN